

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1980; nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; hiện trú tại: B 14, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; tạm trú tại: Tổ 2, thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Thành T trình bày về yêu cầu khởi kiện: Ông và bà Lê Thị Mỹ H kết hôn với nhau vào ngày 24/4/2015 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên tranh cãi với nhau về tiền bạc do không rõ ràng. Đầu năm 2017 vợ chồng đã sống riêng, phần ai nấy sống, không quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay, ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ H.

Chứng cứ ông Nguyễn Thành T cung cấp cho Tòa án: Trích lục kết hôn số 76/2018/TLKH-BS ngày 12/03/2018 của UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Về quan hệ con chung, tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2018 và đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành T kết hôn năm 2015 nhưng không có con chung, tài sản chung và không có nợ chung. Chúng tôi kết hôn được một thời gian nhưng không hợp nhau, sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T sống tính toán. Bà H đã ra sống riêng một thời gian, bà nhận thấy bà và ông T không còn tình cảm với nhau, không có khả năng xây dựng hôn nhân lâu dài nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, TAND huyện Hòa Vang đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; bà Lê Thị Mỹ H đã được giao nhận các thông báo trên theo đúng quy định và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 24/4/2015 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Nhà nước công nhận và pháp luật bảo vệ. Quá trình sống chung, giữa ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn đến mức cả hai người phải ra sống riêng, không còn quan tâm lẫn nhau; cả hai người cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ông T xin ly hôn bà H cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Mỹ H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Thành T với bà Lê Thị Mỹ H.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung: Hai bên đương sự xác định không có và nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Thành T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ông Nguyễn Thành T được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ H.

2. **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Ông Nguyễn Thành T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba

trăm ngàn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0006332 ngày 26/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang; ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/06/2018. Bà Lê Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn